

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2025
(V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Hưởng
Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phước Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 71/2025/TLST – HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXXST – HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 16/01/1982. Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *Vắng mặt*

Bị đơn: Anh Lăm Hoàng N1, sinh ngày 12/8/1976. Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2025, các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003, chị N và anh N1 có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 11/02/2011. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ

đó hôn nhân không hạnh phúc và chị N, anh N1 đã ly thân với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lăm Hoàng N1.

Về con chung: Chị N xác định trong quá trình chung sống, giữa chị và anh N1 có 02 người con chung là cháu Lăm Tâm N2, sinh ngày 01/01/2005 và Lăm Hoàng L, sinh ngày 25/3/2013. Hiện nay cháu N2 đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu L đang sống cùng chị N nên chị N yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định giữa chị và anh N1 không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị N không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn anh Lăm Hoàng N1 không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án dù Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh N1 theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lăm Hoàng N1.
2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lăm Hoàng L, sinh ngày 25/3/2013 cho chị Nguyễn Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lăm Hoàng N1 không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Lăm Tâm N2 đã trưởng thành, chị N không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lăm Hoàng N1 và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lăm Hoàng N1 có nơi đăng ký thường trú tại ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị N. Bị đơn anh Lăm Hoàng N1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh N1.

[4] Xét đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2003, chị N và anh N1 có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 11/02/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị N xác định vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc và chị N, anh N1 đã ly thân với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay chị N và anh N1 cũng không có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, không ai liên lạc với ai. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N1, tuy nhiên Tòa án có tiến hành xác minh được biết giữa chị N và anh N1 có phát sinh mâu thuẫn và hiện tại đã ly thân với nhau. Từ đó, cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh N1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Lăm Hoàng N1.

[5] Về con chung: Chị N xác định trong quá trình chung sống, giữa chị và anh N1 có 02 người con chung là cháu Lăm Tâm N2, sinh ngày 01/01/2005 và Lăm Hoàng L, sinh ngày 25/3/2013. Hiện nay cháu N2 đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu L đang sống cùng chị N nên chị N yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu L đang sống cùng chị N và đã có cuộc sống, môi trường ăn, ở, học ổn định. Đồng thời, cháu L có nguyện vọng theo sống cùng mẹ là chị N. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Lăm Hoàng L, sinh ngày 25/3/2013 cho chị Nguyễn Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lăm Hoàng N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Lăm Tâm N2 đã trưởng thành, chị N không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị N3 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N xác định giữa chị và anh N1 không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lăm Hoàng N1.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lăm Hoàng L, sinh ngày 25/3/2013 cho chị Nguyễn Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Lăm Tâm N2 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003228 ngày 24/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;

- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Thái Kim Phương